CTCP Cao Su Đà Nẵng (HSX: DRC)

FireAnt

Ngày 31/03/2025	26,750 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.9%	**-9.3%**	**-13.8%**

ROE (2024): 12.3% | +/- YoY ▼ 0.8%

DT thuần (Q1/25): 1,180 tỷ VNĐ | QoQ ▲ 62.0 ▲ 5.5% | YoY ▲ 207 ▲ 21.3%

DT thuần (2024): 4,673 tỷ VNĐ | YoY ▲ 178 ▲ 4.0%

LN gộp (Q1/25): 131 tỷ VNĐ | QoQ ▼ 10.0 ▼ 7.3% | YoY ▼ 31.0 ▼ 19.3%

LN gộp (2024): 729 tỷ VNĐ | YoY ▲ 80.0 ▲ 12.4%

LN thuần (Q1/25): 11.4 tỷ VNĐ | QoQ ▼ 61.7 ▼ 84.4% | YoY ▼ 47.6 ▼ 80.7%

LN thuần (2024): 291 tỷ VNĐ | YoY ▼ 16.0 ▼ 5.3%

LN sau thuế (Q1/25): 9.47 tỷ VNĐ | QoQ ▼ 49.6 ▼ 84.0% | YoY ▼ 39.7 ▼ 80.7%

LN sau thuế (2024): 232 tỷ VNĐ | YoY ▼ 14.0 ▼ 6.0%

Kết quả kinh doanh

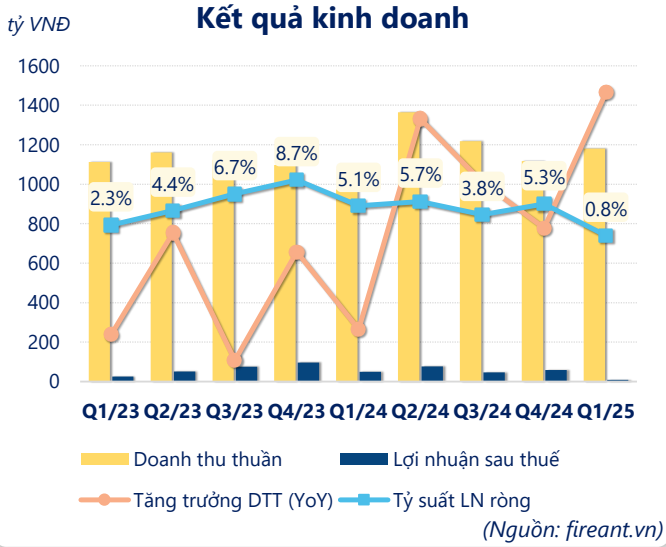

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

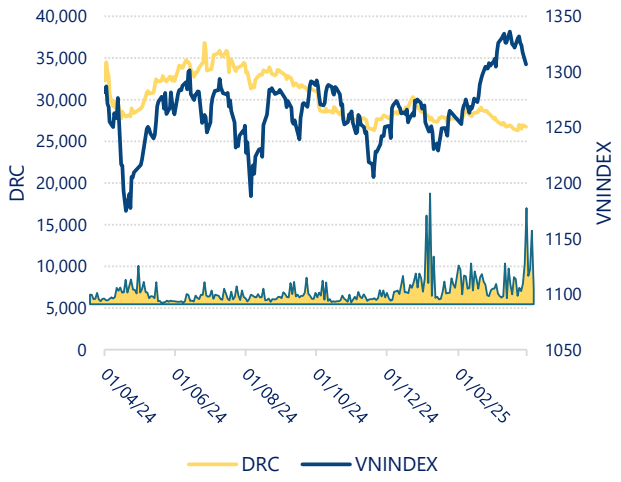

CTCP Cao Su Đà Nẵng (HSX: DRC)

FireAnt

Tăng trưởng lợi nhuận

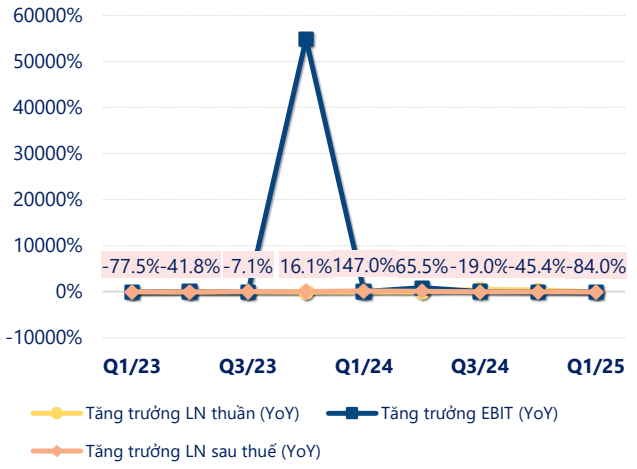

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

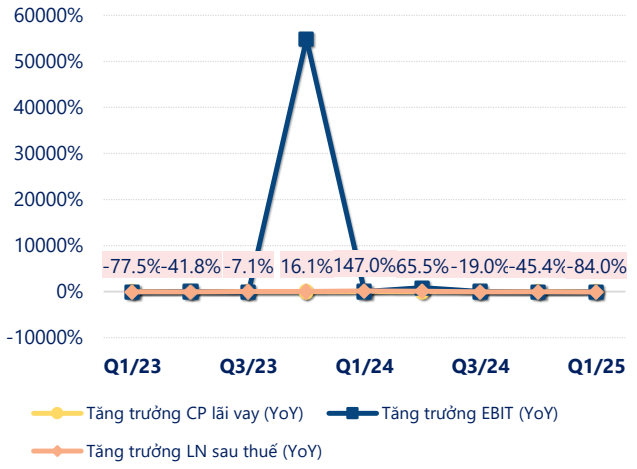

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

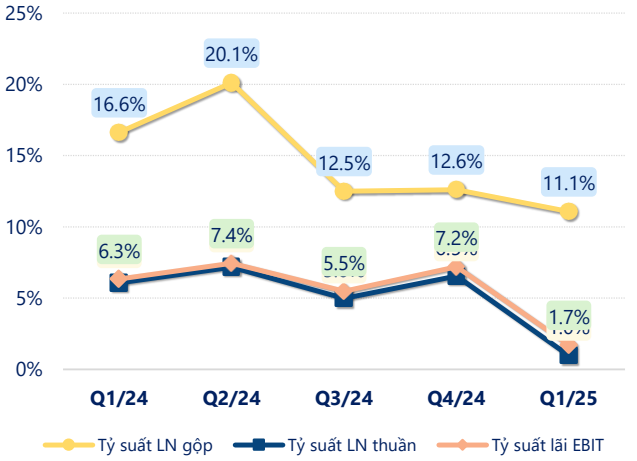

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

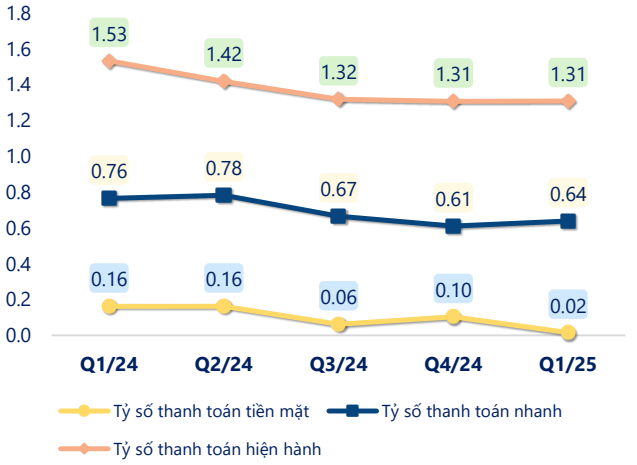

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

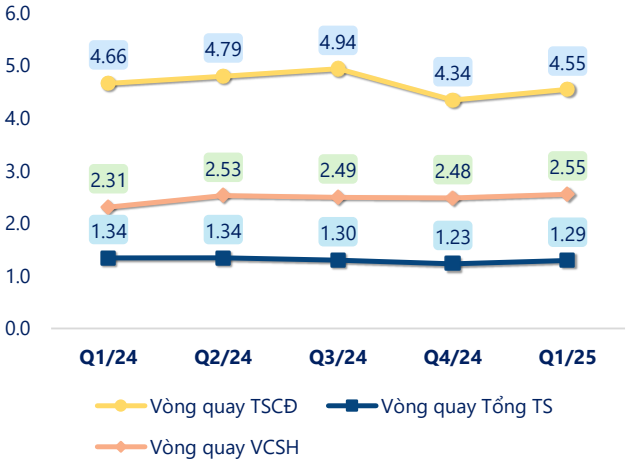

(Nguồn: fireant.vn)

EPS

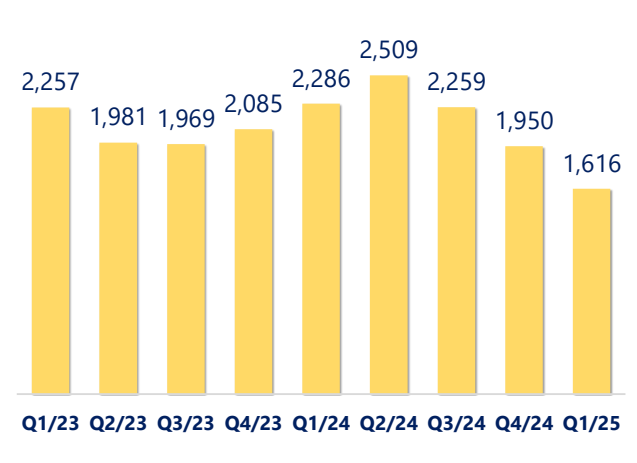

(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Cao Su Đà Nẵng (HSX: DRC)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,180**	**973**	**21.3%**	**4,673**	**4,495**	**4.0%**
Giá vốn hàng bán	1,049	811	29.4%	3,944	3,847	2.5%
Lợi nhuận gộp	131	162	-19.3%	729	649	12.4%
Doanh thu HĐTC	8.67	13.1	-33.8%	69.9	55.2	26.8%
Chi phí TC	17.3	10.5	64.6%	66.3	57.2	15.9%
Chi phí lãi vay	9.32	3.59	160%	21.4	21.1	1.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	92.8	87.1	6.5%	348	268	30.0%
Chi phí QLDN	**17.9**	**18.4**	**-2.9%**	**94.5**	**71.9**	**31.5%**
LN thuần từ HĐKD	11.4	59.0	-80.7%	291	307	-5.3%
Lợi nhuận khác	**-0.50**	**-0.88**	**42.6%**	**-1.53**	**0.10**	**-1595%**
LN trước thuế	10.9	58.1	-81.3%	289	307	-5.9%
Lợi nhuận sau thuế	**9.47**	**49.2**	**-80.7%**	**232**	**246**	**-6.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**9.47**	**49.2**	**-80.7%**	**232**	**246**	**-6.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

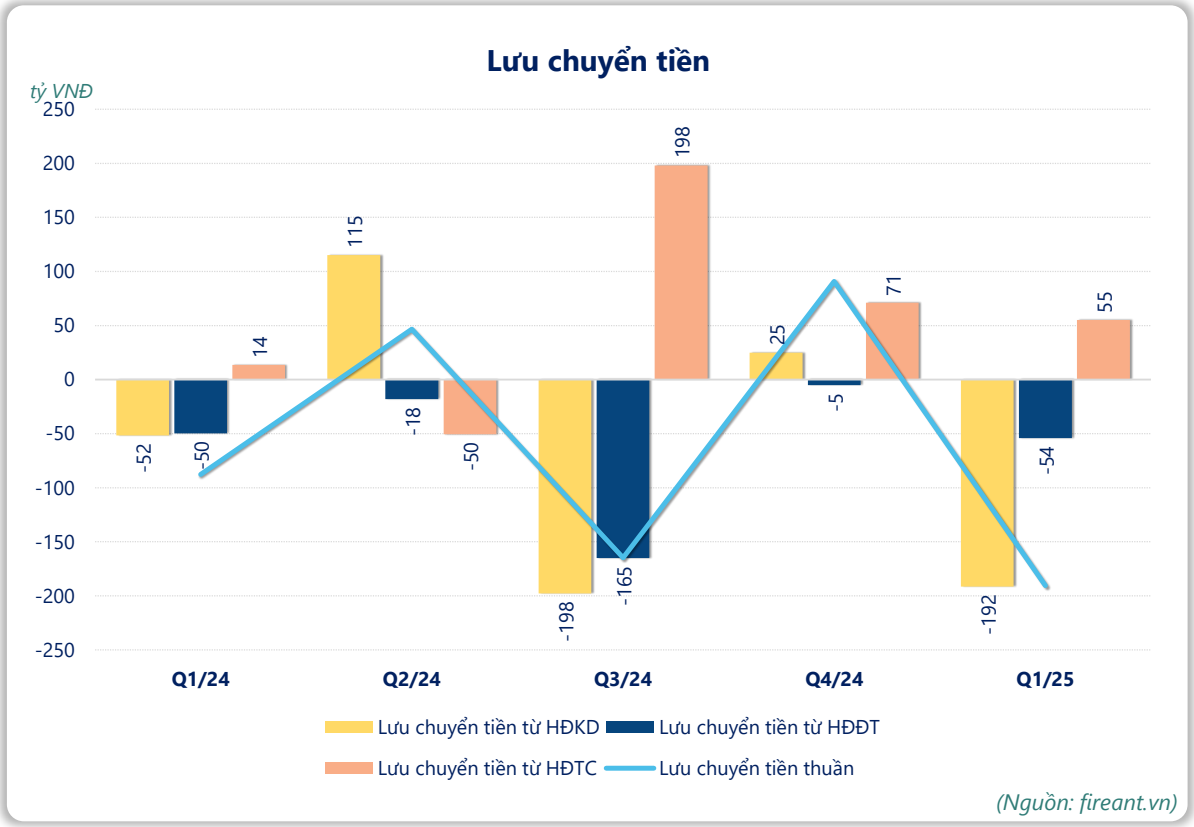

(Nguồn: fireant.vn)